

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

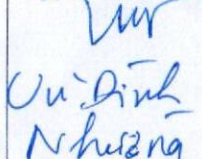
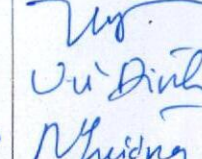
Môn học: **Thực tập lạnh cơ bản (228119) - Nhóm 01**

CBGD: **Nguyễn Đức Nhon (280018)**

Số SV có mặt: 20

Số bài thi: 20

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1  Nhanh	Cán bộ coi thi 2  Uy Đình Nhuong	G.Viên chấm thi 1  Nhanh	G.Viên chấm thi 2  Uy Đình Nhuong
--	--	---	---

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2122180006	CAO NGỌC CƯỜNG	21/04/2003	CCQ2218A				78	68	72	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2122180021	LÊ HOÀNG PHÚC	19/03/2004	CCQ2218A				78	70	73	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2122180008	NGUYỄN XUÂN HIỆP	09/07/2004	CCQ2218A				76	73	74	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2122180020	NGUYỄN HUỲNH HUỲNH	10/05/2004	CCQ2218A				81	73	76	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2122180016	HUỲNH BẢO HƯNG	17/09/2004	CCQ2218A				71	65	68	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2122180012	PHẠM MINH KIẾT	01/06/2004	CCQ2218A				73	83	79	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2122180004	NGUYỄN KHÁNH LINH	03/07/2004	CCQ2218A				81	73	76	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2122180007	ĐÌNH NGUYỄN THÀNH LONG	10/11/2004	CCQ2218A				79	55	65	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2122180002	NGUYỄN PHƯƠNG NAM	18/06/2003	CCQ2218A				86	85	86	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2122180013	NGUYỄN VĂN NGHĨA	27/05/2004	CCQ2218A				75	60	66	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2122180003	NGUYỄN MINH NHỰT	28/10/2004	CCQ2218A				83	88	86	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2122180014	TRẦN THANH PHONG	17/03/2004	CCQ2218A				73	80	77	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2122180009	PHẠM TẤN SINH	15/07/2004	CCQ2218A				78	70	73	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2122180001	PHẠM HUỲNH NHẬT TÂN	15/10/2000	CCQ2218A				74	65	69	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	2122180019	VÕ QUANG THẮNG	10/04/2004	CCQ2218A				79	75	77	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	2122180015	CHÂU MINH TRÍ	25/08/2004	CCQ2218A				66	68	67	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	2122180010	HÀ HỮU TRUYỀN	13/05/2002	CCQ2218A				86	83	84	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	2122180022	NGUYỄN HOÀNG TÚ	26/02/2004	CCQ2218A				88	80	83	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	2122180017	NGUYỄN NGỌC TƯỜNG	11/09/2004	CCQ2218A				73	78	76	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	2122180018	NGUYỄN NGHI VĂN	06/04/2004	CCQ2218A				75	75	75	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

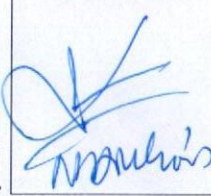
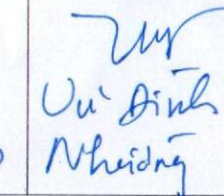
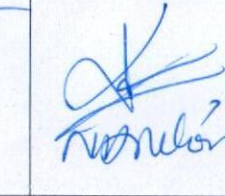
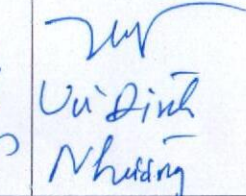
Môn học: **Thực tập lạnh cơ bản (228119) - Nhóm 02**

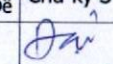
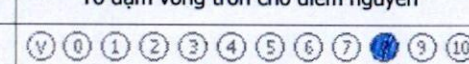
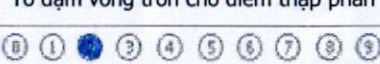
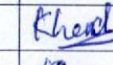
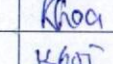
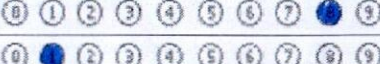
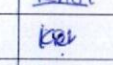
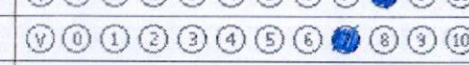
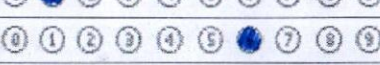
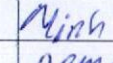
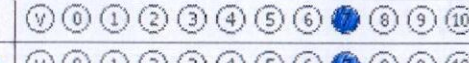
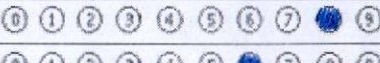
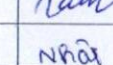
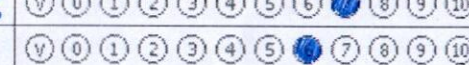
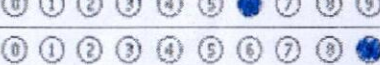
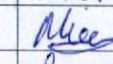
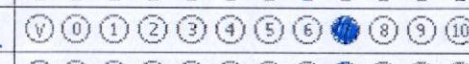
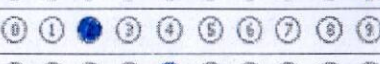
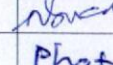
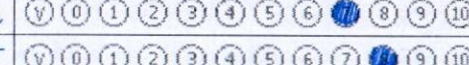
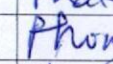
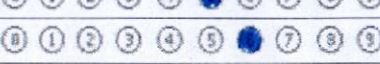
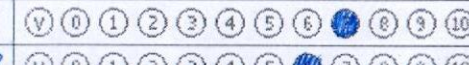
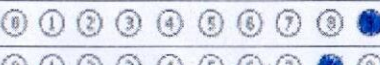
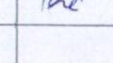
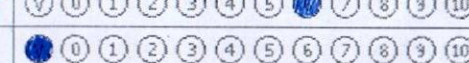
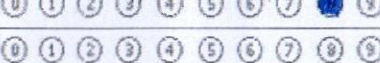
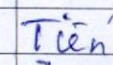
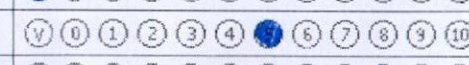
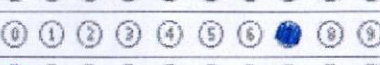
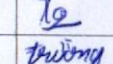
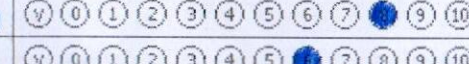
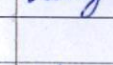
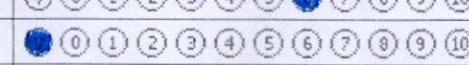
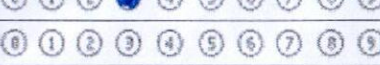
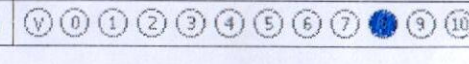
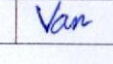
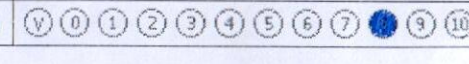
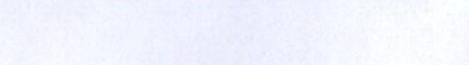
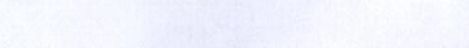
CBGD: **Nguyễn Đức Nhon (280018)**

Số SV có mặt:18.....

Số bài thi:18.....

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
			

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2122180027	NGUYỄN NGỌC ĐÀI	02/07/2004	CCQ2218A				8,4	8,0	8,2		
2	2122180034	NGUYỄN THÁI KHÈNH	29/08/2003	CCQ2218A				8,4	7,8	8,0		
3	2122180040	PHẠM ĐĂNG KHOA	23/06/2004	CCQ2218B				5,5	6,0	5,8		
4	2122180041	NGUYỄN HOÀNG KHÔI	08/03/2004	CCQ2218B				8,3	8,0	8,1		
5	2122180042	NGUYỄN HUỲNH TUẤN	23/03/2004	CCQ2218B				8,5	7,0	7,6		
6	2122180026	LÝ ANH	09/08/2004	CCQ2218A				8,1	7,5	7,8		
7	2122180024	NGÔ HOÀI NAM	23/06/2004	CCQ2218A				8,0	7,3	7,6		
8	2122180043	VĂN THANH NHẬT	24/01/2004	CCQ2218B				8,1	6,0	6,9		
9	2122180037	PHẠM VĂN NHƠN	05/11/2004	CCQ2218B				6,8	7,5	7,2		
10	2122180025	NGUYỄN TRUNG NHUẬN	08/12/2004	CCQ2218A				8,0	7,0	7,4		
11	2122180028	NGUYỄN DƯƠNG TẤN	05/02/2004	CCQ2218A				8,5	8,5	8,5		
12	2122180032	THÁI ĐỨC PHONG	09/04/2004	CCQ2218A				8,0	4,0	5,6		
13	2122180029	NGUYỄN TRỌNG PHÚC	04/08/2004	CCQ2218A				8,1	7,8	7,9		
14	2122180031	LÊ THANH THẾ	22/02/2004	CCQ2218A				7,3	6,5	6,8		
15	2122180035	PHẠM ĐÌNH TIẾN	30/03/2004	CCQ2218B								
16	2122180039	TRẦN VĂN TIẾN	05/11/2004	CCQ2218B				5,1	6,0	5,7		
17	2122180030	HUỲNH MINH TOÀN	20/10/2004	CCQ2218A				8,0	8,0	8,0		
18	2122180038	NGUYỄN ĐÌNH TRƯỜNG	01/10/2004	CCQ2218B				6,8	6,0	6,3		
19	2122180023	NGUYỄN QUỐC TRƯỜNG	21/01/2004	CCQ2218A								
20	2122180033	NGUYỄN THÀNH VẠN	19/02/2004	CCQ2218A				8,3	7,8	8,0		

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

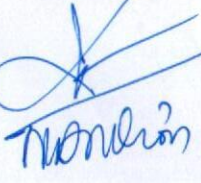
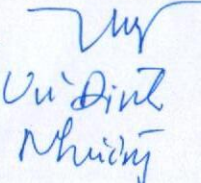
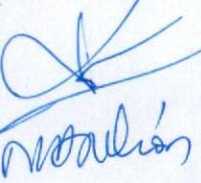
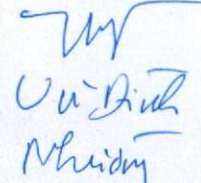
Môn học: **Thực tập lạnh cơ bản (228119) - Nhóm 03**

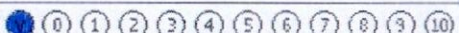
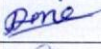
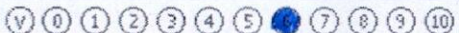
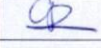
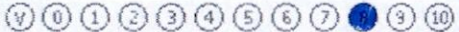
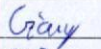
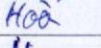
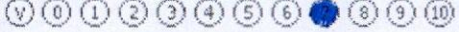
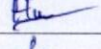
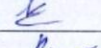
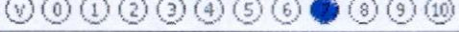
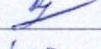
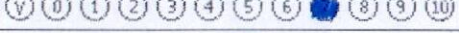
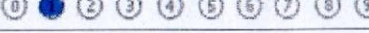
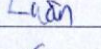
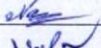
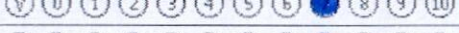
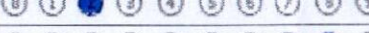
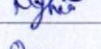
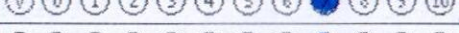
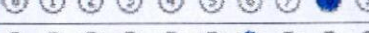
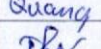
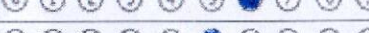
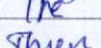
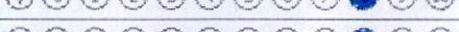
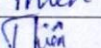
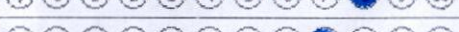
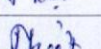
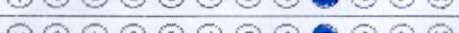
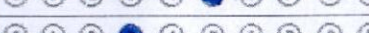
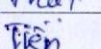
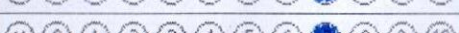
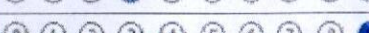
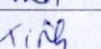
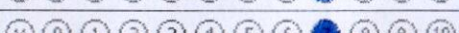
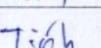
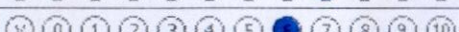
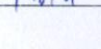
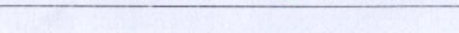
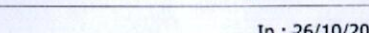
CBGD: **Nguyễn Đức Nhơn (280018)**

Số SV có mặt: 22.....

Số bài thi: 22.....

Số tờ giấy thi:
.....

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
			

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2122180068	NGUYỄN THÁI BẢO	26/02/2004	CCQ2218B								
2	2122180051	NGUYỄN TÙNG DƯƠNG	20/11/2004	CCQ2218B				7,6	7,5	7,6		
3	2122180057	VÕ TRƯƠNG ĐÔNG	01/01/2004	CCQ2218B				7,0	5,5	6,1		
4	2122180047	PHAN PHÚ GIA	26/12/2002	CCQ2218B				7,9	8,0	8,0		
5	2122180052	TRẦN VĂN GIANG	08/03/2004	CCQ2218B				8,3	8,5	8,4		
6	2122180061	LÊ DUY HÒA	04/02/2004	CCQ2218B				7,1	7,5	7,4		
7	2122180065	NGUYỄN NHẤT HUY	26/11/2003	CCQ2218B				7,9	7,0	7,4		
8	2122180062	NGUYỄN HỮU KIÊN	09/11/2003	CCQ2218B				8,3	7,0	7,5		
9	2122180060	TRẦN QUỐC KIẾT	07/12/2004	CCQ2218B				7,5	6,8	7,1		
10	2122180067	VÕ THÀNH LUÂN	29/03/2004	CCQ2218B				7,5	4,0	5,4		
11	2122180054	TRẦN VĂN NAM	03/08/2004	CCQ2218B				7,5	7,0	7,2		
12	2122180053	NGUYỄN TẤN NGHĨA	18/12/2003	CCQ2218B				8,1	7,5	7,8		
13	2122180044	HUỖNH NHẬT QUANG	10/08/2004	CCQ2218B				8,0	7,3	7,6		
14	2122180066	TRƯƠNG VĂN THẾ	27/01/2004	CCQ2218B				7,6	9,0	8,5		
15	2122180048	VÕ VĂN THIÊN	12/08/2004	CCQ2218B				7,9	8,0	8,0		
16	2122180064	BÙI NGỌC THIÊN	04/10/2004	CCQ2218B				7,8	7,3	7,5		
17	2122180046	NGUYỄN VĂN THIẾT	13/11/2004	CCQ2218B				8,1	6,8	7,3		
18	2122180056	NGUYỄN VĂN TIẾN	06/09/2003	CCQ2218B				7,8	8,0	7,9		
19	2122180049	LÊ VĂN TÍNH	29/12/2004	CCQ2218B				6,9	7,0	7,0		
20	2122180063	TRẦN QUỐC TÍNH	17/08/2004	CCQ2218B				7,5	6,0	6,6		

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

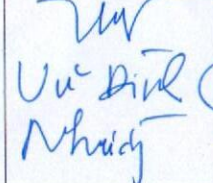
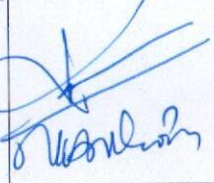
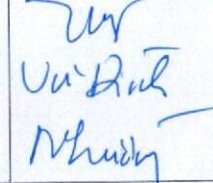
Môn học: **Thực tập lạnh cơ bản (228119) - Nhóm 03**

CBGD: **Nguyễn Đức Nhơn (280018)**

Số SV có mặt: 22

Số bài thi: 22

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
			

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2122180055	NGUYỄN TẤN TRUNG	16/07/2004	CCQ2218B			Trung	75	73	74	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	2122180059	BÁO VĂN ANH TUẤN	22/06/2004	CCQ2218B			Tuấn	81	83	82	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	2122180058	LÊ HÙNG VƯƠNG	12/08/2004	CCQ2218B			Vương	80	78	79	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

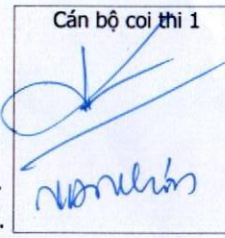
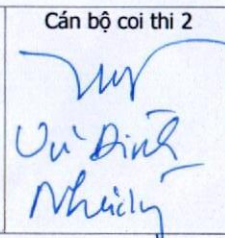
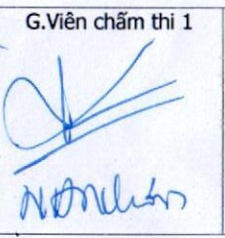
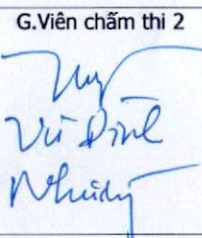
Môn học: **Thực tập lạnh cơ bản (228119) - Nhóm 06**

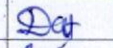
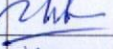
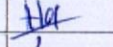
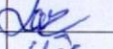
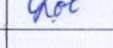
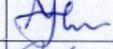
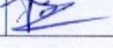
CBGD: **Nguyễn Đức Nhon (280018)**

Số SV có mặt:10.....

Số bài thi:10.....

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
 Nonhon	 Vu Đình Nhuyễn	 Nonhon	 Vu Đình Nhuyễn

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2122180120	NGUYỄN ĐÌNH CƯỜNG	16/03/2004	CCQ2218LA				8,5	8,3	8,4	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
2	2122180106	LÊ MINH DUY	18/10/2004	CCQ2218LA							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
3	2122180108	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	16/12/2003	CCQ2218LA				8,5	8,3	8,4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
4	2122180107	NGUYỄN ANH GUN	26/07/2003	CCQ2218LA				8,4	7,8	8,0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
5	2122180087	NGUYỄN VŨ HÀ	08/02/2004	CCQ2218LA				8,5	8,0	8,2	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
6	2122180112	NGUYỄN HỮU HỘI	16/10/2003	CCQ2218LA				8,9	6,5	7,5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
7	2122180121	NGUYỄN ĐÌNH LAI	14/02/2004	CCQ2218LA				8,6	8,0	8,3	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
8	2122180105	HỒNG TUẤN LỘC	01/05/2004	CCQ2218LA				8,5	7,8	8,1	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
9	2122180110	LÊ THANH LUẬN	23/08/2004	CCQ2218LA							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
10	2122180050	VŨ BẮC TRUNG NAM	03/05/2004	CCQ2218LA				7,5	6,0	6,6	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
11	2122180109	ĐÌNH HUY PHƯỚC	10/03/2003	CCQ2218LA				8,9	7,3	7,9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9
12	2122180104	NGUYỄN NGỌC TƯ	27/11/2003	CCQ2218LA				8,6	7,0	7,7	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9